



GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN

VIMUTTI MAGGA

Thiền Nhứt chuyển dịch sang tiếng Việt



Quyển Năm

Phẩm 8: *Hành môn* (tiếp)

Chi 2: Các Nhứt thiết nhập (tiếp) và các Thiền chi

Sau đây giảng về *Đệ nhị Thiền*, suy nghĩ về các lỗi lầm của *Sơ thiền* và hai loại công đức.

Vào thời đó, người tọa thiền **muốn khởi lên *Nhị Thiền***, khi đã đắc được tự tại về *Sơ thiền*. Tại sao vậy? Vì nếu nơi *Sơ thiền* còn chưa được tự tại, (thuần thực) đầu đã điều phục được sự suy nghĩ, muốn trừ bỏ *giác, quán*, mong đắc được *Nhị thiền*, vẫn còn bị thoái thất, chẳng kham nổi việc khởi lên *Nhị thiền*, lại chẳng thể vào trở lại nhập *Sơ thiền* nữa.

Như Thế tôn có dạy các vị *Tỳ-kheo* rằng, có một **con bê núi con**, ngu si chẳng biết nơi đồng cỏ, chẳng biết lối đi, mà lại muốn tới một nơi xa và nguy hiểm, tự nghĩ như vậy: "Ta nay muốn tới một nơi chưa từng đến, ăn thứ cỏ chưa từng gặm, uống thứ nước chưa từng nếm." Chơn trước chưa đứng vững, đã giờ chơn sau lên, nghiêng ngã khiến thân nó chẳng yên, chẳng thể nào bước đi tới được. Và vì chẳng tới được nơi chưa từng đến, cũng chẳng gặm được cỏ nào chưa từng ăn qua, lại cũng chẳng uống được nước nào chưa từng nếm, nó liền suy nghĩ: "Minh chẳng đi tới được nữa, thì nay phải trở lại nơi mình ăn uống cũ trước kia vậy."

Cũng như thế, *Tỳ-kheo* ngu si nào, việc tu hành còn chưa thành đạt, chẳng hiểu sự liả xa các ham muốn, chẳng thực tập việc nhập vào *Sơ thiền*, chẳng học tập nhiều, thường lại có ý muốn nhập vào *Nhị thiền*, muốn lia bỏ *giác, quán*, lòng chẳng được an nên sau mới nghĩ: "Ta chẳng đủ sức để nhập vào *Nhị thiền* mà rời bỏ *giác, quán*, thôi hãy cứ quay về với *Sơ thiền* và liả xa các ham muốn." *Tỳ-kheo* ấy ngu si *như con bê núi con* chẳng biết đường đi đến đồng cỏ. Vì thế, phải nên tu *Sơ thiền* (cho thật thuần thực) khiến tâm được tự tại.

Vào khi trước giờ ăn và thời gian sau khi ăn, vào lúc đầu hôm và khi hùng sáng, tùy theo tâm vui thích, tùy lòng vẫn còn gắn với sự ham muốn, tùy ý chẳng ngại ngưng, mà liền khởi lên nhập vào sự *quán*. Nếu trong một lúc, cho đến cả nhiều lúc, có lắm khi nhập vào, có lắm khi xuất ra, nơi *Sơ thiền* cũng đắc thành được sự tự tại. Khi đã được tự tại rồi, liền vui mà thấy *Nhị thiền* khởi lên, vượt qua được *Sơ thiền*. Bấy giờ mới suy nghĩ rằng, *Sơ thiền* còn thô sơ, *Nhị thiền* tế nhị hơn, và do đó mà nhìn thấy được các lỗi lầm của *Sơ thiền* cùng với các công đức của *Nhị thiền*.

Hỏi: Thế nào là *các lỗi lầm của Sơ thiền*?

Đáp: Gắn với năm triền cái là kẻ thù, ham *giác quán* làm khuấy động, khiến thân thành giải đãi (lười), tâm thành tán loạn (lãng xãng), nên tất cả pháp đắc được đều là *định thô* chẳng đủ

chứng trừ thần thông, đây là vừa lòng với Sơ thiên nên còn chưa được phần thắng diệu, lại vướng phải các lỗi lầm của Sơ thiên. Nhị thiên đối trị được các điều đó, nhờ quán các lỗi lầm của Sơ thiên mà thấy ra công đức của Nhị thiên.

Lấy *tướng* của Nhứt thiết nhập mà khởi ý tu hành theo Nhị thiên: chẳng tác ý hoà hiệp với Sơ thiên, chẳng tác ý về *giác*, chẳng tác ý về *quán*, do theo định mà *hỉ, lạc* và tự tại sanh ra, liền khiến tâm thọ tri. Người toạ thiền tác ý như thế, chẳng bao lâu *giác, quán* tiêu diệt mất, giữ lấy chỗ định khởi sanh lên *hỉ, lạc* và tự tại, khiến tâm được an trú vào đây.

Sau đây thuyết minh về bốn thiền chi của Nhị thiên.

Người toạ thiền đó, khi *giác, quán* đã diệt, muốn có sự tin tưởng bên trong (= nội tín) rằng, tâm thành một tánh (= nhứt tánh): chẳng *giác* chẳng *quán*, liền theo định khởi lên *hỉ, lạc*, mà nhập vào Nhị thiên. Đó là công đức của Nhứt thiết nhập Địa. *Giác và quán diệt*, có nghĩa là tâm khéo phân biệt được sự tiêu diệt của *giác và quán*, còn gọi là *đoạn* (= cắt đứt).

Hỏi: Thế nào là *giác, quán diệt*?

Đáp: Đó là sự tiêu diệt các lỗi lầm về *giác quán* của Sơ thiên, bao gồm cả *giác* và *quán* lẫn nguồn gốc của *giác* và *quán*. Lại nữa, đó là nơi thiền thô còn thấp để vươn lên thắng thiền cao hơn, khiến cho thiền thô lần lượt diệt mất đi.

Về nội tín, nội là bên trong hiện chứng thấy được. *Nội* có ba loại: (1) nội nội, (2) nội định, (3) nội hành xứ.

Thế nào là *nội nội*? Đó là sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), còn gọi là sáu nhập. *Nội định* là sự tự mình quán thân tâm mình. *Nội hành xứ* là ý tưởng bên trong chẳng hướng ra ngoài, hiểu rõ được ý nghĩa bản tánh của đối tượng quán sát. Tại bộ Kinh luận này, chữ *nội nội* dùng với nghĩa là khá vui.

Tín là niềm tin chơn chánh; suy nghĩ làm tăng trưởng niềm tin. Đó là niềm tin nơi nội tâm, nên gọi là *nội tín*.

Nội tín: tướng, vị, khởi, xứ của Nội tín là gì?

Tướng của nội tín là chẳng loạn. An tịnh là *vị*, công năng của nội tín. Chẳng nhiễm dơ là *khởi* của nội tín, sự khởi sanh ra nội tín. *Giác và quán* là *xứ* của nội tín, là phạm vi hoạt động của nội tín. *Tâm trở thành một tánh* có nghĩa là tâm trú trong chánh định. *Tâm thành nhứt tánh*, nghĩa là sao? *Tâm* là ý nghĩ. *Nhứt* đây là nhứt niệm, tức là chánh niệm. *Tánh* là bản tánh tự nhiên. Nhứt tâm nơi Nhị thiên có khả năng diệt cả *giác* và *quán* khiến nhứt tánh khởi lên nơi tâm và tâm thành nhứt tánh.

Tâm thành nhứt tánh: tướng, vị, khởi, xứ của nó là gì? *Tướng* của nó là sự tinh chuyên chơn chánh. An tịnh là *vị*, tức là công năng của nó. Chẳng phóng túng, lãng bạt, là sự *khởi sanh* của nó. *Giác quán* đã ngưng và diệt đi, là *xứ*, tức là phạm vi hoạt động của nó.

Hỏi: Tại sao nơi Sơ Thiên chẳng nói về *Tín* và *Tâm trở thành nhứt tánh*?

Đáp: Sơ thiên với *giác quán* khuấy động nên làm nhiễm dơ *nội tín* khiến cho tâm nhứt tánh mất sự thanh tịnh, cũng như nước có gió khởi động, gợn sóng, khiến cho hình ảnh phản chiếu chẳng rõ ràng. Như thế, nơi Sơ thiên, *giác quán* làm sóng khởi động khiến cho nội tín và tâm nhứt tánh trở nên chẳng thanh tịnh. Vì vậy Sơ thiên chẳng nhiếp thiền chi này. *Chẳng giác, chẳng quán* có nghĩa là đoạn dứt *giác* thành ra vô *giác*, lià *quán* nên thành ra vô *quán*.

Hỏi: Giác diệt thì vô giác, vô quán. Có hai cách đoạn trừ giác quán chăng? Tại sao lại nói đến hai cách?

Đáp: Giác và quán đã diệt, liền hiện lên nội tín, tâm thành nhưt tánh. Khi vô giác và vô quán hiện lên khiến sanh ra diệu tướng, thành được sự an tịnh.

Lại nữa, diệt giác và quán là dùng giác quán đó mà thấy được sự lỗi lầm của riêng giác quán; theo pháp đoạn trừ giác và quán đưa đến vô giác và vô quán, đó là lia xa sự giác quán về cõi sắc giới.

Lại nữa, vô giác vô quán có hai loại: (1) chẳng lấy giác quán diệt mà thành vô giác vô quán; (2) lấy giác quán diệt mà thành vô giác vô quán. Nơi năm thức và Tam thiên chẳng lấy giác quán diệt mà thành vô giác vô quán. Nơi Nhị thiên, dùng phương tiện an tịnh, lấy giác quán diệt mà thành vô giác vô quán. Đây là nói đến hai nghĩa.

Theo định mà khởi sanh lên, gọi là **định**. Sơ thiên theo trí mà sanh khởi. Nhị thiên thành tựu được, nhờ theo định ở Sơ thiên mà sanh ra.

Lại nữa, nơi Nhị thiên, **định** được cùng sanh ra một lượt với nhưt tâm; định làm khởi sanh lên hi và lạc. **Hỉ lạc**, trước đã có giải thích rồi. **Nhị thiên** được gọi như thế, vì Nhị thiên tiếp theo sau Sơ thiên. **Nhập Chánh thọ** có nghĩa là nhập vào Nhị thiên. **Thiền:** nội tín, hi, lạc, nhưt tâm, gọi là Thiền.

Nhập chánh thọ và an trú là thành đắc Nhị thiên: lià được hai chi (*giác và quán*), thành tựu được hai chi (*hỉ và lạc*), ba điều lành, mười tướng đầy đủ, hai mươi ba công đức tương ưng. Đó là công đức được sanh lên cõi Trời Diệu Quang Thiên.

Như trước đã có nói, sanh lên cõi Trời là, do theo định sanh ra hi lạc, vượt khỏi được cõi nhơn gian, nên gọi là sanh lên cõi Trời.

Như Thế tôn có dạy chư Tỳ-kheo, **nước trong hồ**, chẳng phải do từ bốn phương lại, cũng chẳng phải do nước mưa rơi xuống, mà từ nguồn suối đến, trong và lạnh tắm ướt cả hồ và tràn đi xa. Cũng như thế, thân vị ti kheo, do theo định mà sanh ra hi lạc, khiến được mát mẻ, chẳng chỗ nào chẳng thấm nhuần. Do theo định mà sanh ra hi khắp cả thân tâm, cũng như nước suối. Khi nhập vào Nhị thiên, thân của người ấy như thế nào, cũng có thể biết được. Như chẳng do theo nước từ bốn phương chảy lại, chẳng do nước mưa rơi xuống, giác và quán nơi người toạ thiền diệt mất như thế nào, cũng có thể biết được. Cũng như nước do từ nguồn suối chảy đến, chẳng khởi lên gợn sóng, người toạ thiền do từ định khởi sanh ra hi, lạc, khiến thân tràn đầy niềm vui, mà chẳng khiến tâm loạn động, như lấy nước lạnh rưới lên khắp mọi chỗ trên thân cho được mát mẻ. Như thế, do định mà sanh ra hi lạc, khiến trọn cả thân tâm thành ra có được đầy đủ hi lạc.

*Công đức tu định được quả báo là **sanh lên cõi Trời** Diệu Quang Thiên. Nhị thiên tu có ba cấp: thấp, vừa và cao. Người tu thiên thấp, khi thọ mạng hết, sẽ sanh lên cõi Thiệu Quang Thiên, sống lâu hai kiếp. Tu thiên vừa, được sanh Vô Lượng Quang Thiên, thọ mạng được bốn kiếp. Tu thiên cao sanh Quang Diệu Thiên, sống được tám kiếp.*

Sau đây suy gẫm về các lỗi lầm của Nhị thiên.

Vào thời đó, người toạ thiền đã thuần thực về Nhị thiên, thân được tự tại rồi, nhận thấy Nhị thiên còn thô sơ, còn Tam thiên thì an tịnh hơn, thấy rõ được các lỗi lầm của Nhị thiên và các công đức của Tam thiên, mới liền khởi tu Tam thiên.

Thế nào là các **lỗi lầm của Nhị thiên**? Vì gần với *giác quán* là kẻ thù, cùng với nỗi mừng (*hỉ*) tràn đầy vương vít, cho nên Nhị thiên thành thô. Vì nỗi mừng tràn đầy, tâm quá nhảy nhót

(loạn động), khiến chẳng thể khởi lên các thiền chi khác. Nếu dính mắc lâu vào *hi*, ắt phải thất bại. Nếu biết đó là thất, ắt chẳng còn thất nữa. Nếu chẳng kham đắc được thiền thông chứng và nêu vui theo Nhị thiền, thì chẳng đắc được thắng phần. Vì vậy, phải nên biết các lỗi lầm của Nhị thiền và thấy các công đức của Tam thiền. Đề đối trị lại, phải quán các lỗi lầm của Nhị thiền, kể thấy các công đức của Tam thiền, rồi y theo tướng của Nhứt thiết nhập mà tác ý khiến tâm hi diệt đi. Bỏ hi lạc mà sanh tâm thọ trì, chẳng bao lâu thì hi lạc mất đi, khiến tâm được an.

Giải thích các thiền chi của Tam thiền.

Người toạ thiền chẳng nhiễm nổi mừng (*hi*), đắc được *xả* (-niệm), (chánh-) *niệm*, *trí* (-huệ); như bực Thánh có nói, đắc được *xả*, *niệm*, *trí* thì vui trú trong chánh thọ của Đệ tam thiền. Đây là công đức của Nhứt thiết nhập về Địa, chẳng vướng nhiễm *hi* (nổi mừng) vậy. *Hi* là gì, trước đã có nói rõ, chẳng nhiễm hi, dứt đoạn hi, tức đắc được an trú vào *xả*.

Thế nào là XẢ? *Xả* có nghĩa là giữ sao cho chẳng lui mà chẳng tới, tâm được bình đẳng. *Xả* có tám thứ: *thọ xả*, *tinh tấn xả*, *kiến xả*, *Bồ-đề xả*, *vô lượng xả*, *lục phân xả*, *thiền chi xả*, *thanh tịnh xả*.

Xả nơi năm căn là *thọ xả*. Vào lúc chẳng tác ý, liền khởi lên tướng *xả* là *tinh tấn xả*. Nơi *tập đế* (chơn lý về nguyên nhân của khổ), nghĩ biết rằng, ta nên đoạn tận, đó là *kiến xả*. Tu theo Bồ-đề giác là *Bồ-đề xả*. Tu bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả, là *vô lượng xả*. Lấy mắt nhìn hình sắc chẳng khởi lên khổ, chẳng khởi lên mừng, đó là một trong *lục phân xả* (năm phần kia thuộc về năm giác quan còn lại). Có hỷ mà chẳng bị nhiễm, lại trú nơi *xả*, đó là *thiền chi xả*. Niệm *Xả* thanh tịnh là *thanh tịnh xả*. Về tám món *xả* đó, trừ *thọ xả* ra, còn bảy pháp *xả* kia, đó gọi là *bình đẳng xả*.

Lại nữa, có ba loại *xả*: (1) *tương ưng thừa* (= có liên hệ, như xe đưa tới Định; *thừa* = xe); (2) *thiếu kinh doanh* (= tâm ít tạo dựng); (3) *vô kinh doanh* (= tâm chẳng tạo dựng). Nơi tất cả các loại thiền, sự khéo léo giữ cho bình đẳng, chẳng quá gấp, chẳng quá hoãn, đó gọi là *xả tương ưng thừa*. *Xả* này gần với Nhị thiền. Có khả năng đoạn trừ được tâm quá nhảy nhót (loạn động), chẳng lo tạo dựng nhiều, đó gọi là *xả thiếu kinh doanh*. *Xả* này gần với Tam thiền. Cái khả năng đoạn trừ loạn tâm trước đó đã khiến cho thân tâm chẳng động nữa, tâm chẳng còn lo tạo dựng sự việc gì nữa, đó gọi là *xả vô kinh doanh*, còn gọi là *xả vô sự*. *Xả* này gần với Tứ thiền.

Thế nào là tướng, vị, khởi, xứ của XẢ?

Bình đẳng là tướng của *xả*; chẳng dính mắc là vị (công năng) của *xả*; chẳng lo tạo dựng thêm là khởi (sự sanh khởi lên) của *xả*; chẳng bị nhiễm ô là xứ (phạm vi hoạt động) của *xả*.

Hỏi: Tại sao nói đến *xả* ở Tam thiền, mà chẳng nói đến *Xả* ở Sơ thiền và Nhị thiền?

Đáp: Nơi Sơ thiền và Nhị thiền, hi tràn đầy còn chưa diệt mất, tâm dính mắc vì chạy theo hi lạc, quá nhảy nhót đầy cả thân tâm, cho nên chẳng thể nói đến *xả*. Nơi Tam thiền, hi chẳng đầy đủ, nên chẳng bị hi nhiễm, chẳng vướng mắc vào cho nên thiền chi khởi lên; khi thiền chi này được tự tại, nên mới nói đến *xả* (-niệm), (chánh-) *niệm* và *chánh trí*.

Thế nào là niệm tùy niệm? Niệm ấy biết rõ, nhớ lại, giữ gìn chẳng quên niệm. Niệm căn, niệm lực và chánh niệm, đó là nói về *niệm*.

Hỏi: Tướng, vị, khởi, xứ của NIỆM là gì?

Đáp: Tùy niệm (= niệm đi theo niệm) là tướng của niệm; chẳng quên là vị (= công năng) của niệm; giữ gìn, bảo vệ là khởi (= sự sanh khởi lên) của niệm; bốn lãnh vực quán niệm (= thân,

thọ, tâm và pháp) là *xú* (= phạm vi hoạt động) của niệm.

Thế nào là TRÍ? Lấy trí hiểu rõ để làm *huệ*, là có *chánh trí*, đó gọi là *Trí*. Chánh trí có bốn loại: hữu nghiã trí, tự tướng trí, bất ngu si trí, và hành xú trí. Nơi *Trí hữu nghiã*, có bốn uy nghi (đi, đứng, nằm, ngồi). *Trí tự tướng* là trí nhập vào Không-xú. *Trí chẳng ngu si* là trí hiểu biết tám pháp ở thế gian. *Trí hành xú* là có trí nơi sự việc. Tại bộ Kinh luận này, trí hành xú được nói đến để giữ lại.

Hỏi: Tướng, vị, khởi, xú của TRÍ là gì?

Đáp: Chẳng ngu si là *tướng* của trí; theo nhơn duyên mà liên hệ với, là *vị* (= công năng) của trí; lựa chọn các pháp và giữ lấy, là *khởi* (= sự khởi lên) của trí; tác ý chọn chánh là *xú* (= phạm vi hoạt động) của trí.

Hỏi: Tại sao chánh niệm và chánh trí phải có mặt ở tất cả mọi nơi, chẳng chỗ nào là chẳng diệu khéo?

Đáp: Nếu người mất chánh niệm, chẳng khởi lên chánh trí, thì chẳng kham vào được thiền ngoại hành.

Hỏi: Tại sao chỉ nói ở Tam thiên, mà chẳng thấy nói ở Sơ thiên và Nhị thiên?

Đáp: Nơi Tam thiên này, đứng đầu là *hi* và các thiên chi thô khác đều diệt, chánh định lại vì tế nên đi sâu vào chỗ tế nhị, khiến cho chánh trí khởi lên được Tam thiên và do đó, các thiên chi được tự tại.

Lại nữa, Tam thiên này dễ đi đến niềm vui (= *lạc*) đầy khí vị (ngọt ngào) mà tâm đang hướng về để nắm lấy. Do đó, các thiên chi đắc được tự tại mà diệt bỏ nỗi mừng (= *hi*) đi.

Hơn nữa, nỗi mừng (*hi*) và niềm vui (*lạc*) cùng làm bạn bè khấn khít nhau, nhờ có chánh niệm và chánh trí mới phân biệt ra được "có vui mà chẳng có mừng", và an trú vào *lạc* (= vui). Cũng tựa như bé con cứ đi theo sát bên bờ mẹ, nếu chẳng bị ai nắm hai vành tai mà giữ lại.

Như thế, chẳng mừng mà có vui, (*vô hi hữu lạc*) nhờ chánh niệm, chánh trí phân biệt rõ ra được niềm vui (*lạc*) mà an trú được vào đấy. Nếu chẳng phân biệt ra được như thế, thì thành ra thoái phần, có sự thất bại lùi lại. Khi các thiên chi này được tự tại, nên mới nói đến *xả niệm*, *chánh niệm* và *chánh trí* được thành tựu; vì lẽ đó, mới nói đến *xả*, *niệm*, *trí* khi thân đã cảm thọ được niềm vui (*thân thọ lạc*).

Hỏi: Thế nào là Tâm vui? (Tâm lạc).

Đáp: Tâm cảm thọ được niềm vui, được gọi là tâm vui, *tâm lạc*. Niềm vui tiếp xúc với tâm, tâm cảm thọ được, đó là niềm vui, hay là *lạc*.

Hỏi: Thế nào là thân (vui)?

Đáp: Tưởng ấm, hành ấm, thức ấm, đó gọi là thân, dùng thân đó cảm thọ được niềm vui, nên gọi là thân thọ lạc.

Hỏi: Tại sao niềm vui chẳng có mừng đó chẳng do thân cảm thọ được?

Đáp: Nơi Tam thiên, lạc căn được diệt đi. Tại sao vậy? Thế tôn có nói, nơi Tam thiên, lạc căn diệt. Đó là niềm vui được các bậc Thánh nói đến. Bậc Thánh là Đức Phật và các đệ tử của Ngài, đã khai thông, răn dạy, phân biệt và chỉ rõ.

Hỏi: Tại sao bậc Thánh chỉ nói đến ở thân mà chẳng nói đến các nơi khác?

Đáp: Nơi Tam thiên này, người tọa thiền dễ đi đến niềm vui chẳng có nỗi mừng, nhưng lại chẳng nắm giữ lấy niềm vui đó. Còn bậc Thánh thì an trú nơi niềm vui nên được thành tựu. Cho nên, các bậc Thánh bảo, Tam thiên này thành tựu thắng phần có xả. Xả, niệm, lạc đã được phân biệt rõ rồi, thì thành tựu và an trú trong Tam thiên.

Nói Tam thiên là vì thiên này tiếp theo Nhị thiên. Tam thiên có *xả, chánh niệm, chánh trí, lạc và nhứt tâm*. Đó là thành tựu (năm thiên chi) của Tam thiên, khi đã lia được *hi* ở Nhị thiên, chứng được năm phân (= năm thiên chi) ba điều lành, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng, được sanh lên cõi Trời ở cảnh Biên Tịnh Thiên. Như đã được nói qua trước đây, sanh lên cõi Trời tức là an trú vào niềm vui chẳng có nỗi mừng (vô hi lạc), vượt được cõi nhơn gian.

Cho nên Thế tôn có dạy các Tỳ-kheo rằng, trong đầm có **hoa uất-ba-la** (sen xanh) chen với hoa **phân-đà-lợi** (sen trắng), **từ trong nước khởi sanh lên**, lớn lên trong nước, trú trong nước, từ dưới gốc cho đến ngọn, cả bên trong, đều thấm nhuần nước. Cùng thể ấy, thân tâm của vị Tỳ-kheo đượm nhuần khắp mọi chỗ niềm vui chẳng có nỗi mừng (vô hi lạc) giống như hoa uất-ba-la chen với hoa phân-đà-lợi từ trong nước mà khởi sanh lên. Như thế, khi nhập vào Tam thiên, thân người ấy như gỗ sen dưới nước, từ rễ chí ngọn, tất cả mọi chỗ đều tràn đầy nước, thân tâm được niềm vui chẳng có nỗi mừng thấm nhuần khắp cả.

Quả báo của công đức tu nhập Định ở Tam thiên là sanh lên cõi Biên Tịnh Thiên. Tu Tam thiên có ba cấp: cao, vừa và thấp. Người tọa thiền tu Tam thiên thấp, khi hết mạng sống, sẽ sanh lên cõi Diệu Tịnh Thiên, thọ mạng được sáu kiếp. Tu hạng vừa, sanh lên cõi Vô Lượng Tịnh Thiên, thọ mạng được ba mươi hai kiếp. Tu hạng cao được sanh lên cõi Biên Tịnh Thiên, sống sáu mươi bốn kiếp.

Suy gẫm về các lỗi lầm của Tam thiên.

Vào thời đó, người tọa thiền sau khi đã thuần thực Tam thiên, được tự tại rồi, liền khởi ý vượt khỏi Tam thiên. Tam thiên thì thô, Tứ thiên thì diệu hơn; biết được các lỗi lầm của Tam thiên, và thấy ra được các công đức của Tứ thiên.

Thế nào là các lỗi lầm của Tam thiên? Vì gắn với nỗi mừng (*hi*) vốn là kẻ thù của chánh định, do niềm vui (*lạc*) còn thô sơ nên chưa kham đắc các thiên thông nơi Tam thiên, khiến thắng phần chẳng thành được. Như vậy, nếu thấy được các lỗi lầm của Tam thiên, và các công đức của Tứ thiên để đối trị lại, người tọa thiền chỉ theo *tướng* của Nhứt thiết nhập về Địa mà tác ý khiến cho *lạc* diệt đi, khi *lạc* đã diệt mất thì tâm theo niệm *xả* mà thọ trì. Như thế, tác ý chẳng bao lâu, tâm được yên ổn, hiểu rõ bốn thiên chi. Người tọa thiền ấy nhờ đoạn trừ được niềm vui (*lạc*), nên diệt được các nỗi khổ trước đó, nay nỗi mừng, nỗi lo đều đã diệt hết, khiến tâm chẳng khởi niềm vui nữa, đắc được *xả* và *chánh niệm* thanh tịnh, thành tựu được Tứ thiên. Đó là công đức của Nhứt thiết nhập về Địa.

Đoạn trừ niềm vui là cắt bỏ các vui thú về thân thể. Đoạn trừ khổ là dẹp bỏ các sự khổ trên thân thể. Dẹp bỏ các thú vui trước, và các nỗi lo đã diệt xong, có nghĩa là, khi có *hi* thì tâm vui, khi có lo thì tâm khổ, cả hai đều được liả bỏ hết.

Hỏi: Ở đâu mà niềm vui (*lạc*), nỗi khổ, lo âu (*ưu*) được đoạn diệt?

Đáp: Các điều đó được liả bỏ, bắt đầu từ Sơ thiên. Nơi Tứ thiên, Phật nói, khổ diệt.

Hỏi: Ở đâu mà nguồn gốc Khổ khi khởi lên, được diệt hết chẳng sót?

Đáp: Phật có dạy các Tỳ-kheo rằng, ở Sơ thiên thành tựu được sự ly dục (= liả xa các ham muốn); khổ bắt nguồn từ các sự ham muốn, diệt chúng xong thì khổ chẳng còn sót lại nữa.

Hỏi: Tại sao nơi Sơ thiên, nguồn gốc khổ bị diệt?

Đáp: Vì nổi mừng tràn đầy, thân được vui; vì thân vui nên khổ căn (= nguồn gốc khổ) diệt; lấy diệt mà đối trị. Thế nên, ở Sơ thiên, khổ căn bị diệt. Nơi Nhị thiên, ưu căn (nguồn gốc của sự lo âu) diệt, thành ra chặt đứt ưu căn. Như Đức Phật có nói, nơi nào khổ căn đã diệt, thời khổ chẳng còn sót lại. Như thế, Tỳ-kheo đã là bỏ *giác* và *quán*, an trú vào chánh thọ của Tam thiên, nơi đó ưu căn khởi lên đã bị diệt chẳng còn sót lại. Tại sao vậy? Vì giác quán lâu ngày, theo giác quán mà thân trở nên giải đãi, tâm trở nên lười nhác, do đó ưu căn liền khởi lên. Nơi Nhị thiên, giác quán được diệt bỏ, do đó mới nói ưu căn cũng diệt. Nơi Tam thiên, niềm vui (*lạc*) được xóa bỏ. Như Thế tôn có nói, nơi nào lạc căn đã khởi thì nơi ấy lại diệt đi chẳng còn sót lại. Cho nên, vị Tỳ-kheo chán ghét sự vui, nên nhập vào chánh thọ của Tam thiên, an trú ở đó, thì lạc căn đã khởi trước đó sẽ bị diệt đi chẳng còn dư sót lại.

Hỏi: Tại sao nơi Tam thiên, lạc căn bị diệt?

Đáp: Vì hi đã diệt; mà hi là nguyên nhân của lạc; cho nên ở Tam thiên, lạc căn được diệt bỏ.

Hỏi: Nếu khổ, lạc, ưu nơi Tam thiên đã được diệt xong, tại sao lại còn nói diệt ở Tứ thiên nữa?

Đáp: Tam thiên là con đường dẫn tới Tứ thiên; nơi Tam thiên, chúng (= khổ, lạc, ưu) chẳng được cảm thọ, nên đến Tứ thiên mới nói chúng diệt.

Lại nữa, lấy sự chẳng khổ chẳng lạc để đối trị lại với khổ và lạc, cho nên mới nói đắc được sự chẳng khổ chẳng lạc là diệt được khổ và lạc. Lại nữa, nơi Tứ thiên, sự đối trị và sự chứng đắc cùng xảy ra. Lại nữa, xả niệm đoạn bỏ tất cả phiền não chẳng còn dư sót lại. Chẳng khổ chẳng lạc có nghĩa là ý thì chẳng nhiếp cảm thọ, tâm thì chẳng vút bỏ, đó gọi là chẳng khổ chẳng lạc.

Thế nào là *tướng, vị, khởi, xứ của CHẶNG KHỔ CHẶNG LẠC*?

Ở ngay khoảng giữa, là *tướng* của chẳng khổ chẳng lạc; an trú vào khoảng giữa, là *vị* (= cơ năng) của chẳng khổ chẳng lạc; diệt trừ là *khởi* (= sự sanh khởi) của chẳng khổ chẳng lạc; hi diệt là *xứ* (= phạm vi hoạt động) của nó.

Thế nào là *xả niệm thanh tịnh*?

Xả là cô trung tính (= tánh trung hoà, chẳng nghiêng theo bên nào). *Niệm* là niệm theo sát *chánh niệm*. Nhờ có *xả* mà *niệm* trở thành rõ ràng, trong sáng, đó gọi là *xả niệm thanh tịnh*.

Hỏi: Tại sao *niệm* đó được rõ ràng trong trắng nhờ *xả*?

Đáp: *Xả* này lia tất cả phiền não, giống như và gần với sự thọ đắc, nên trở thành bất động, chẳng lo tạo dựng gì. Sự chẳng tạo dựng cùng với *xả* gần nhau, khiến cho *niệm* vươn tới chỗ chẳng động mà thành sự chẳng tạo dựng. Do đó, *niệm* này nhờ *xả* mà trở thành rõ ràng và trong trắng.

Tứ thiên vì theo sau Tam thiên, nên gọi là Tứ thiên. Nhập định Tứ thiên là *xả, niệm, nhưt tâm*, đó gọi là thành tựu Tứ thiên. Nhập trú là thành đắc được Tứ thiên, là một phần (= lạc), thành trú được ba phần (= xả, niệm, nhưt tâm), ba điều lành, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng, quả báo sanh lên cõi Trời Quả Thực Thiên. Như có nói trước đây, sanh lên Trời là, vui trú nơi xả, vượt khỏi cảnh nhơn gian.

Cho nên, Thế tôn có dạy các Tỳ-kheo: "Có người ngồi, dùng **khăn lông trắng quấn che khắp thân mình** từ đầu xuống đến chơn, chẳng chỗ nào chẳng quấn che. Cùng thế ấy, Tỳ-kheo khiến tâm trong trắng tràn đầy khắp châu thân, chẳng có chỗ nào chẳng được tâm trong trắng ngập đến". Cũng như người tự quấn che khăn lông trắng, người toạ thiên *lia được hết tất cả*

phiền não tại Tứ thiên, điều ấy cũng có thể biết. Cũng như dùng khăn lông trắng quấn từ đầu đến chon khiến cho chẳng lạnh, chẳng nóng, thời tiết điều hòa, thân tâm thì kheo được thanh tịnh, lại cũng như vậy. Như thế, nhập vào Tứ thiên thì được *chẳng khổ chẳng vui*, đây là khiến cho *xả lặc* trần đầy khắp thân (tâm).

Quả báo công đức của Tứ thiên là được sanh lên cõi Quả Thực Thiên. Tu Tứ thiên khi chết, thì phàm phu sanh lên cõi Quả Thực Thiên, nếu tâm chán ghét lỗi lầm thì sanh cõi Vô Tướng Thiên, thọ được năm mươi kiếp; nếu Sa-môn thì hoặc sanh lên Quả Thực Thiên hoặc sanh lên Ngũ Tịnh Cư Xứ.

Hỏi: Tại sao ở Tam thiên phân biệt ba cấp cao, vừa, thấp, còn ở Tứ thiên chẳng thấy nói đến?

Đáp: Theo chỗ chứng đắc được nơi Tam thiên, thì có thô, có diệu, cho nên thăng quả có khác nhau. Còn ở Tứ thiên đã đến được bờ bên kia vì diệu rồi, chẳng có chỗ nào hơn nữa, thành ra chẳng cần phân biệt thăng quả chi nữa.

Suy gẫm về các lỗi lầm của Tứ thiên.

Vào thời đó, người toạ thiên đã thuần thực và được tự tại nơi Tứ thiên rồi, vui thấy khởi lên *định về Hư-không*, lại suy nghĩ về các loại định thuộc về sắc giới thì thô, còn Hư-không định thì tế nhị hơn. Người ấy thấy được các lỗi lầm của sắc và nhận ra được công đức của *Hư-không định*.

Thế nào là các lỗi lầm thuộc sắc giới? Như dùng khí giới, gây gộc tranh đấu, nói lời hai chiều, nói dối, tay đâm chon đá, đau mắt, bệnh tật, lạnh, nóng, đói khát,... các loại khổ đó là những lỗi lầm của sắc giới do tham dục tạo ra.

Thế nào là các lỗi lầm của Tứ thiên? Tứ thiên gần với *hỉ* là kẻ thù, dựa nương theo các sự vật về sắc, thành ra được gọi là thô, lại vui thích dính mắc vào đó, khiến chẳng thành tựu được phần thắng diệu. Ý theo *Hư-không* an tịch mà được giải thoát khiến cho các loại định về sắc hết thô. Nơi sắc, thấy được các lỗi lầm của Tứ thiên, nhận ra được các công đức của *Hư-không* là đã đối trị được các lỗi lầm đó. Người toạ thiên khi đã thấy các lỗi lầm của sắc như thế, nhận ra được công đức của *Hư-không định*, thì nhập vào *Vô biên Hư-không Định*. Từ nơi *định* ấy, khởi lên trừ *tướng* của Nhứt thiết nhập Địa, tu theo *tướng Hư-không định* về Địa, thành mất đi được sự tạo thêm việc nơi Hư-không, đó là *tác ý vô biên*. Nếu tác ý được như thế chẳng bao lâu thì *tướng* của Nhứt thiết nhập Địa sẽ mất đi. Từ nơi *tướng Địa* (đã mất được rồi), tâm khởi vươn lên *Hư-không*, đến khi vào được tự tại trong *tướng Hư-không*, thì tâm trở nên an ổn. Người toạ thiên ấy khi thấy khởi lên tất cả sắc tướng có đối tượng (= tư tướng liên quan về sắc) liền diệt đi; nơi mọi loại tư tướng đó chẳng hề khởi lên sự tác ý, nhờ đó mà nhập vào chánh thọ và an trú ở đây.

Nói *Vô biên Không-xử* là nói chẳng khởi lên sắc tướng ở bất cứ nơi nào còn sót lại.

Thế nào là *sắc tướng nhập?* Về sắc giới, khởi lên định, tướng, trí, chánh trí, đó gọi nhập vào sắc tướng.

Thế nào là *việt*, là vượt qua, là vươn lên? Nơi các sắc tướng đó nếu có khởi lên tư tướng liên quan đến sắc (= đối tượng) thì liền diệt đi, đó gọi là vượt qua khỏi đối tượng.

Thế nào là *có đối tượng?* Tư tướng về hình sắc (= sắc tướng), về âm thanh (thanh tướng), về mùi (hương tướng), về vị (vị tướng), về xúc chạm (xúc tướng), đó gọi là đối tượng. *Diệt đi* là chẳng hề tác ý đến tất cả các loại tư tướng vừa kể.

Thế nào là *tất cả các loại tướng?* Người còn chưa nhập vào định thì hoặc ý giới hoặc ý thức giới hoà hiệp với tướng; khi các đối tượng khởi lên thì diệt đi, chẳng tác ý đến chúng.

Hỏi: Tại sao chỉ nói đến sự vượt khỏi *tướng*, mà chẳng nói đến *thọ, hành, thức*?

Đáp: Nếu vượt khỏi được *tướng*, thì tất cả đều vượt qua được hết. Tại sao vậy? Nếu chẳng là được *tướng*, thì tâm chẳng khỏi đắc được. Lại nữa, Thế tôn khi muốn nói đến sự vượt khỏi các sự việc về sắc, thì Ngài nói đến *sắc tướng*, tất cả các sự Định đều do nơi *tướng* cả.

Hỏi: Nếu chẳng vượt qua được, thì có hay chẳng có các đối tượng và các loại tướng khác?

Đáp: Có người nhập vào định về sắc giới mà vẫn có đối tượng, và các tướng khác, vì chúng sẽ được diệt đi sau.

Hỏi: Tại sao người ấy chẳng tu tiếp tục theo đạo?

Đáp: Vì chán ghét sắc, nên còn chưa diệt. Vì chưa tận diệt hết các đối tượng, nên nhập Sơ thiên, âm thanh như gai nhọn (= chướng ngại). Như Đức Phật có nói, nơi các đối tượng vì chán ghét sắc, nên tu hành theo đạo, đoạn trừ các đối tượng xong, nhập vào vô sắc định bất động, *hành* và *tướng* được an tịnh, nên *tướng* được giải thoát. Như Ca-lan (Alàra Kālāma) và Uất-đâu-lam-phất (Uddaka Rāmaputta) nhập vào *Vô tướng định*, có năm trăm xe phía trước đi qua lại mà chẳng thấy, chẳng nghe. Đây là cách diệt tướng xứ.

Như thế, khi tất cả các sắc tướng khởi, liền diệt, đó là pháp đoạn sắc giới. Khi có đối tượng, liền diệt; các loại tướng khác, chẳng tác ý theo, đó là pháp đoạn dục giới. Lại nữa, diệt được tất cả các sắc tướng gọi là đắc cõi vô sắc giới. Khi có đối tượng mà diệt được xong, đó là đoạn trừ sự loạn động từ bên ngoài vào, khiến cho sự vô động được hiển hiện lên. Các loại tướng khác, cũng chẳng tác ý theo, đó là định được sự loạn động từ bên trong, khiến an tịnh hiển hiện lên mà giải thoát khỏi được *tướng*.

Hỏi: Nói *Vô biên Hư-không*, thế nào là *Không*?

Đáp: Cái Không này nhập vào Không gian (= *không giới*; *giới* = cõi), rỗng rang (= *không huyết*; *huyết* = lỗ hồng), bốn đại (= đất, nước, gió, lửa) chẳng tiếp xúc được; đó gọi là *Không*.

Nơi cái Không đó, chính là khiến tâm an ổn tràn đi khắp chốn đến nơi chẳng có bờ bến nào (= *vô biên*); đây gọi là *vô biên vô biên Không*. Tâm và các tâm sở nhập vào Không vô biên này, đó gọi là nhập vào *Hư-Không-xứ*.

Nhập vào Hư-không, nghĩa như thế nào? Bản tánh của *Hư-không* là vô biên; tánh vô biên này là *Không-xứ*; đó là nói đến nghĩa của *Hư-không*. Cũng như sanh lên cõi Trời được gọi là đến Thiên xứ, đắc được định nơi Hư-Không-xứ được gọi là *nhập vào Hư-Không-xứ* và an trú ở đấy.

Khi đắc vào *định Hư-Không-xứ*, thì vượt lên trên các sự việc về sắc, thành tựu được ba phần, ba loại thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ưng, an trú trong an tịnh.

Quả báo của công đức tu định Hư-Không-xứ là được sanh lên cõi *Hư-không Thiên*. Như đã có nói trước đây, công đức của tu Hư-Không-xứ là khi chết được sanh lên cõi Hư-không Thiên, thọ mạng được hai ngàn kiếp.

Suy gẫm về các lỗi lầm của Định Hư-không.

Vào thời đó, người toạ thiền ấy nơi Hư-Không-xứ đã được tự tại, liền khởi *định* Nhứt thiết nhập về *Thức*. Vượt qua khỏi Nhứt thiết nhập về Hư-không, suy nghĩ rằng *Định Hư-không* còn thô, thấy *thức xứ* tế nhị hơn, lại thấy được các lỗi lầm của Hư-không và nhận ra các công đức của *Thức xứ*.

Thế nào là các lỗi lầm của Hu-Không Định? Định này gắn với sắc là kẻ thù, thành ra thô, lại có đối tượng, cùng các loại tướng khác còn chưa liả xa được, khiến cho niệm bị vướng mắc, mà chẳng đạt tới thắng phần. Như thế, thấy được các lỗi lầm của Hu-không, nhận ra được công đức của Nhưt thiết nhập về Thức, là để đối trị lại.

Giảng rõ về Vô biên Thức Định.

Người toạ thiền ấy đã thấy các lỗi lầm của Hu-không định, lại nhận rõ ràng các công đức của thức xứ, liền khởi niệm tu Hu-không thức, tác ý đầy đủ khiến cho thức trở nên vô biên, tâm thọ tri, giữ tư tưởng hướng theo thức xứ. Cứ như thế mà tác ý, chẳng bao lâu theo từ tướng Hu-Không-xứ mà tâm khởi lên vượt qua khỏi, tới được thức xứ. Nhờ có tướng về thức xứ mà tâm được an. Người toạ thiền ấy vượt khỏi tất cả Hu-Không-xứ, suy nghĩ hướng về thức vô biên, đến khi thành tựu thì nhập vào chánh thọ và an trú vào tất cả thức xứ. "*Tất cả*" có nghĩa là chẳng sót chỗ nào cả. "*Vượt khỏi Hu-Không-xứ*" có nghĩa là băng qua Không-xứ thẳng tới thức xứ. "*Vô biên thức*" có nghĩa là nơi Hu-Không-xứ, khởi tác ý vô biên lên khiến thành ra vô biên thức xứ.

Hỏi: Sắc pháp và phi sắc pháp, thứ nào là vô biên?

Đáp: Chỉ có vô sắc pháp mới là vô biên thôi. Tại sao vậy? Các pháp vô sắc chẳng có biên bià, bờ bên gì cả, chẳng thể nắm giữ được.

Lại nữa, Hu-không chẳng bờ bên, nên nói vô biên. Vô biên là, khi tác ý vô biên thì thành vô biên, vì vậy chẳng có chi trở ngại. *Thức nhập xứ* là tâm và các tâm sở nhập vào thức xứ, đó gọi là thức xứ. *Thức xứ*, nghĩa là gì? Thức xứ chẳng có bờ bên, nên gọi là thức vô biên.

Thức xứ, cũng như ở cõi Trời thì gọi là Thiên xứ; thọ tri thức đó, nhập vào định, nên gọi là thức xứ định. Nhập vào chánh thọ, đắc được thức xứ định, thì vượt qua được Hu-không, thành tựu được ba phần, ba điều thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ưng, trú được an tịnh.

Quả báo tu định thức xứ là công đức được sanh lên cõi thức xứ. Như trước có nói rõ, tu hành thức xứ định khi chêt, thì sanh lên cõi Thức Xứ Thiên, thọ mạng được bốn ngàn kiếp.

Đến đây Thức nhập chấm dứt.

Suy gẫm về lỗi lầm của Vô Biên Thức Định.

Vào lúc đó, người toạ thiền đã đắc được tự tại về Thức xứ, muốn khởi lên *Vô sở hữu xứ Định*, vượt qua khỏi thức xứ, lại suy nghĩ rằng thức xứ thì thô, còn vô sở hữu xứ thì tế nhị hơn, rồi thấy các lỗi lầm của thức xứ, và nhận ra được các công đức của vô sở hữu xứ định.

Thế nào là các lỗi lầm của thức xứ? Định về Thức xứ còn gắn với Hu-không là kẻ thù, khiến cho sự việc nơi thức trở thành thô, vì suy tưởng đến vô biên khiến cho tướng bị dính mắc, chẳng đắc được thắng phần, nên lấy các công đức của vô sở hữu xứ mà đối trị lại. Người toạ thiền ấy, như thế, nhờ thấy các lỗi lầm của thức xứ, lại nhận ra được các công đức của vô sở hữu xứ, liền từ thức xứ định khởi lên ý thức một cách an tường chẳng tiếp tục tu theo đó nữa, chẳng tiếp tục phân biệt nữa, khiến cho thức ấy mất đi, rồi tu theo tướng vô sở hữu xứ cho đến khi được tự tại và tâm nguyện thọ tri. Tác ý như thế chẳng lâu, là được thức xứ, tâm an trú vào tướng vô sở hữu xứ

Giảng rõ về Vô biên thức định.

Người toạ thiền khởi liả tất cả thức xứ, thấy được vô sở hữu, nhập vào chánh thọ và an trú ở đây. Nói liả "*tất cả*" là liả thức xứ trọn vẹn chẳng còn sót chỗ nào dư lại, thành ra vượt được

thức ấy, siêu nhập thẳng vào chánh định vô sở hữu xứ. Vô sở hữu xứ là chẳng tiếp tục hành theo đó, chẳng tiếp tục phân biệt nữa, chỉ thấy vô sở hữu (= chẳng đâu là có cả), đó gọi là vô sở hữu xứ. Khi nhập vào vô sở hữu xứ, tâm và các tâm sở được gọi là vô sở hữu xứ.

Vô sở hữu xứ, nghĩa là gì? Đó là rỗng rang, chẳng còn bản tánh của thức. Vô sở hữu xứ là thọ trì sự rỗng rang nơi lời nói, nơi chánh định, đó gọi là vô sở hữu định. Nhập vào chánh thọ là đắc được vô sở hữu định, vượt qua khỏi ba phần thức sự, thành tựu được ba điều thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ưng, trú vào nơi an tịnh.

Quả báo tu vô sở hữu định là công đức được sanh lên cõi Vô sở hữu Thiên. Như trước có nói rõ, công đức tu hành định, về vô sở hữu xứ, khi chết, được sanh lên cõi Trời Vô Sở Hữu Thiên, sống lâu đến sáu ngàn kiếp.

Đến đây xong phần nói về Vô sở hữu Định.

Suy gẫm về các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ.

Vào thời đó, người tọa thiền khi đã được tự tại (= thuần thực) nơi vô sở hữu xứ, liền muốn khởi lên Phi tướng phi phi tướng Định, vượt qua khỏi vô sở hữu xứ. Lại nghĩ đến vô sở hữu xứ còn thô, thấy Phi tướng phi phi tướng xứ tế nhị hơn, nhận ra được các lỗi lầm của vô sở hữu xứ cùng các công đức của Phi tướng phi phi tướng xứ.

Thế nào là các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ? Định vô sở hữu xứ còn gần với thức xứ là kẻ thù, cùng với sự phân biệt khởi lên tướng thô, khiến cho niệm bị vướng mắc, chẳng đắc được thẳng phần cao hơn. Như thế là thấy được các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ và nhờ lấy công đức của Phi tướng phi phi tướng xứ mà đối trị lại.

Lại nữa, thấy tướng thô đó như bịnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, còn "*chẳng có tướng*" mới là chơn chánh, mới là an tịnh, vi diệu, đó là nói đến Phi tướng phi phi tướng vậy. Người tọa thiền ấy do thấy niệm yên ổn nhập vào trong Vô sở hữu xứ, liền từ sự an tịnh ấy, tác ý khởi lên đề tu theo một thứ Định khác. Tác ý như thế chẳng bao lâu thì tư tưởng nơi tâm liền được Vô sở hữu xứ mà vươn lên được Phi tướng phi phi tướng, và tâm an trú vào đó.

Giải rõ về Định phi tướng phi phi tướng.

Người tọa thiền đã vượt được tất cả vô sở hữu xứ mà nhập trú vào chánh định phi tướng phi phi tướng xứ. "*Tất cả*" nghĩa là nói chẳng còn dư sót lại chỗ nào. "*Vượt được vô sở hữu xứ*" nghĩa là qua khỏi vô sở hữu xứ, siêu nhập thẳng vào chánh định, đó gọi là vượt được tất cả vô sở hữu xứ. "*Phi tướng phi phi tướng*" nghĩa là từ nơi vô sở hữu xứ kia đã an tướng, tác ý tu hành theo một định khác, đó gọi là phi tướng phi phi tướng xứ. "*Phi tướng phi phi tướng xứ*" nghĩa là tâm và các tâm sở vào Phi tướng phi phi tướng xứ, gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ. *Phi tướng phi phi tướng xứ* nghĩa là gì? Dứt bỏ tư tưởng phân biệt khiến cho nơi vô tướng, còn chút ít tư tưởng tế nhị sót lại, mà thành ra phi tướng phi phi tướng, đó là *xứ của phi phi tướng*. "*Nhập trú vào chánh định phi tướng phi phi tướng xứ*" là thành đắc được chánh định nơi phi tướng phi phi tướng xứ, vượt qua được vô sở hữu xứ, thành tựu được ba phần, ba loại thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ưng, trú vào nơi an tịnh.

Quả báo tu theo Định Phi tướng phi phi tướng là công đức được sanh lên cõi Phi tướng phi phi tướng. Như đã có nói rõ trước, công đức tu hành Định Phi tướng phi phi tướng là khi chết được sanh lên cõi Trời Phi tướng phi phi tướng Thiên, thọ mạng được tám vạn bốn ngàn kiếp.

Hỏi: Tại sao nói đến Phi tướng phi phi tướng xứ mà chẳng nói đến Thức xứ?

Đáp: Lià được sự chấp giữ vào vô biên, khởi lên được tướng tế nhị, khiến cho Thức xứ chẳng thành được.

Lại hỏi: Tại sao tu theo Định này chẳng thành được lậu tận (= sự tận diệt hết các phiền não)?

Đáp: Là được tư tưởng phân biệt còn chưa kham được sự thấy Đạo (= Kiến Đạo). Lại nữa, Định này thật hết sức vi tế, phi tướng phi phi tướng chẳng thể phân biệt được, cho nên chẳng thành tựu được sự lậu tận.

Phi tướng phi phi tướng Định đến đây chấm dứt.

Giảng rõ thêm các điều trên đây.

Hỏi: Liên quan đến Định, có các lời giảng linh tinh nào?

Đáp: Giảng thêm về: diệt âm thanh, diên đảo, khởi, vượt qua, ngoại hành, giác, thọ, và nghi.

Diệt âm thanh: nhập vào Sơ thiền thì ngưng nói năng; nhập vào Tứ thiền thì hơi thở ra, vào đều ngưng; tuần tự mà diệt được thanh và hương. Người nhập định nghe âm thanh mà chẳng nói lên được. Tại sao vậy? Vì nơi người nhập định đó, nhĩ thức chẳng hoà hiệp, nên chẳng biết có âm thanh. Lại nữa, khi nhập vào sắc định, âm thanh khởi lên sự loạn động. Như Thế tôn có nói, đối với người nhập thiền, âm thanh là gai nhọn (= chướng ngại).

Diên đảo là, khi quán Nhứt thiết nhập về Địa, nơi chẳng phải Đất mà lại tác ý theo tướng Đất.

Hỏi: Nếu đã như thế, tại sao lại chẳng thành diên đảo?

Đáp: Bốn tướng diên đảo đó chẳng khác nhau, nên phải biết Tướng về đất đó lại chính là tướng ấy, vì thế mà diên đảo chẳng thành.

Khởi là khởi ra khỏi Định, do năm nhơn duyên: do đau đớn trong tư thế, do vướng quá nhiều cảnh giới, do chướng ngại, do thiếu quân bình trong sự khéo léo, do tùy ý muốn. Nếu nhập vào Định vô sắc, các cảnh giới quá nhiều cũng chẳng khiến khởi ra khỏi Định vì đang trú trong cảnh bất động. Nếu nhập vào Diệt Định và Quả Định, thì có thể khởi ra khỏi do hành động trước, mà chẳng do các nguyên nhân khác còn lại.

Vượt qua có hai loại: vượt về *phần* và vượt về *sự*. Từ sắc thiền vượt qua đến sắc định, đó là vượt về *phần*. Từ sắc thiền vượt qua đến sắc định, rồi từ sắc định vượt qua đến vô sắc định, đó gọi là vượt về *sự*.

Ngoại hành là đến gần với tất cả các định, ngoại hành có năm phần (= năm yếu tố).

Giác thì từ Nhị Thiền trở lên, được dứt trừ xong, chẳng gián đoạn, trở thành *chẳng có giác quán* (= vô giác quán)

Thọ thì từ Tứ thiền trở lên, được trừ dứt chẳng gián đoạn, vượt qua đến với *xả*.

Nghi là vì chưa đoạn trừ hết tất cả tham dục, mãi cả đến khi trú vào cõi phi tướng phi phi tướng, đó được gọi là còn dư sót lại, cũng tựa như sợ con rắn độc mà leo trốn lên trên cây cao.

Có bốn hạng người *chẳng thể đắc được định*, và ắt sẽ rơi vào các đường dữ: chẳng có nguyên nhơn mà phạm tội ngũ nghịch và có tà kiến.

Chấm dứt phần Linh tinh và Nhứt thiết nhập Địa.

-ooOoo-

Phẩm 8, Chi 2 (tiếp): Các Nhứt thiết nhập khác

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Thủy**? Thế nào là *tu, tướng, vị, khởi, công đức* của **Nhứt thiết nhập Thủy**? Giữ *tướng* của **Nhứt thiết nhập Thủy** như thế nào?

Đáp: Tâm duyên theo tướng của Nước (= Thủy) đó là **Nhứt thiết nhập Thủy**. Tâm trú nơi đó chẳng loạn, đó là *tu hành* theo **Nhứt thiết nhập Thủy**. Ý chuyên nghĩ tưởng đến **Nhứt thiết nhập Thủy** là *tướng*. Chẳng dứt nghĩ tưởng đến Nước là *vị* (= công năng) của **Nhứt thiết nhập Thủy**. Tâm chẳng khởi ý nào khác với tướng nước, là *xứ* (= phạm vi hoạt động).

Có năm công đức nơi **Nhứt thiết nhập Thủy** khác với các công đức của **Nhứt thiết nhập Địa**: (1) nhập vào và ra khỏi nước một cách dễ dàng; (2) khiến cho đất, núi, cung điện bị lay động; (3) khiến mưa xuống; (4) khiến thân tạo ra nước; (5) qua sông, qua biển được. Còn các công đức khác của **Nhứt thiết nhập Thủy** cũng giống với các công đức của **Nhứt thiết nhập Địa**. Tu hành theo **Nhứt thiết nhập Thủy**, thì nơi nơi đều thấy ra nước cả.

Thế nào là giữ tướng của Nhứt thiết nhập Thủy? Đang quán **Nhứt thiết nhập Thủy** là đang giữ *tướng* của **Nhứt thiết nhập** ấy, hoặc là nước tự nhiên, hoặc là nước tạo tác nên. Người đã toạ thiền lâu ngay cả những nơi chẳng có nước, cũng giữ được *tướng nước*, người ấy thấy nước ở giếng, ở bình, ở đầm, ở ao, ở sông, ở hồ, ở đại giang (= sông lớn), ở biển cả, liền quán khiến tướng nước khởi lên; khác với người mới toạ thiền còn chưa đủ khéo léo để giữ được tướng nước ở những nơi chẳng có nước.

Người mới tập toạ thiền quán **Nhứt thiết nhập Thủy**, nên tìm một nơi thanh tịnh, hoặc nơi chùa nhà, hoặc nơi hang đá, nơi chẳng tối tăm, chẳng nắng chói, chẳng có gió bụi, chẳng có muỗi mòng, chẳng bị mọi chướng ngại. Tại nơi ấy, lựa mặt đất bằng phẳng đào một lỗ để chôn một cái chén hay một cái chậu, rót vào nước mưa thật trong sạch, chẳng tạp màu khác, đầy cao lên đến vành chậu hay miệng chén và ngang với mặt đất. Chậu vi khoảng một tấc. Rồi ngồi tác ý tưởng đến nước.

Có ba hành động khiến cho *tướng nước* khởi lên để tâm nắm giữ lấy: (1) nên quán sát một cách đều đặn; (2) khéo léo quán sát; (3) liả xa sự loạn động. Còn các việc khác cần làm cũng giống như khi đã nói rộng về **Nhứt thiết nhập Địa** cho đến cảnh Phi tướng phi phi tướng xứ.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Thủy.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Hoả**? Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức*? Giữ *tướng lửa* cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi *tướng lửa* (Hoả = lửa), đó là **Nhứt thiết nhập Hoả**. Tâm trú vào tướng lửa chẳng loạn, đó là *tu hành* theo **Nhứt thiết nhập Hoả**. Tâm khéo theo tướng lửa phóng ý đi, là *tướng* của **Nhứt thiết nhập Hoả**. Chẳng ngừng tưởng đến lửa là *vị* (= công năng). Chẳng khởi ý tưởng nào khác ngoài lửa ra, đó là *xứ* (phạm vi hoạt động).

Có năm công đức của **Nhứt thiết nhập Hoả**: (1) có thể khởi lên khói lửa nóng; (2) có thể nhìn qua lửa thấy các vật khác; (3) có thể khởi lên lửa đốt cháy vật; (4) tùy ý muốn đốt cháy các vật khác; (5) hiểu biết được lửa qua sức sáng chói lên. Còn các công đức khác cũng giống như **Nhứt thiết nhập Địa**. Tu **Nhứt thiết nhập Hoả**, ở mọi nơi, đều thấy ra lửa cả. Làm cách sao mà giữ tướng lửa? Nếu hiện đang quán **Nhứt thiết nhập Hoả**, đó là đang giữ tướng lửa, hoặc nơi lửa do mình tạo nên, hoặc nơi lửa thiên nhiên. Người đã toạ thiền lâu, tại nơi nơi, khi nhìn thấy lửa cò, lửa củi, lửa rừng, lửa cháy nhà, bùng bùng bốc cháy, theo đó mà quán và thấy được tướng bị phân của lửa khởi lên trong tâm, khác với người mới toạ thiền. Người này chỉ thấy được tướng lửa ở nơi đã chuẩn bị, còn ở những nơi thiên nhiên thì chẳng có đủ khéo léo để giữ được tướng lửa.

Người ấy trước nhứt phải gom các chà củi khô chặt thành đồng nơi chỗ thanh vắng, rồi đốt lên vào lúc mặt trời mọc, hay lúc mặt trời lặn. Lúc đốt, bắt đầu từ phía dưới; khi nhìn vào lửa

ngọn và khói thì chẳng tác ý; chỉ tác ý để khởi lên tướng lửa vào ngay chỗ chính giữa ngọn lửa.

Có ba cách để khởi và giữ tướng tướng Nhứt thiết nhập Hoả: (1) phải quán sát bình đẳng, đều đặn; (2) phải khéo léo; (3) phải lià nơi loạn động, như đã nói qua trước đây.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Hoả.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Phong**? Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức*? Giữ tướng gió cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi *tướng gió* (= Phong), đó là *Nhứt thiết nhập Phong*. Tâm an trú chẳng loạn nơi *tướng gió*, đó là *tu hành* theo Nhứt thiết nhập Phong. Từ Nhứt thiết nhập Phong, phóng ý đi, là *tướng* của Nhứt thiết nhập Phong. Tư tưởng về gió chẳng ngưng dứt, là *vị* (= công năng. Chẳng hề tác ý đến tư tưởng nào khác, đó là *xứ* (= phạm vi hoạt động).

Có ba công đức riêng của Nhứt thiết nhập Phong chẳng đồng với các Nhứt thiết nhập khác: (1) đi theo gió một cách tự tại; (2) có thể khiến gió khởi lên; (3) tác ý để được sự mát mẻ. Các công đức khác và phương tiện khéo tu, cũng giống với Nhứt thiết nhập Địa.

Giữ tướng gió như thế nào? Người mới bắt đầu tọa thiền hiện tu theo Nhứt thiết nhập Phong, do hai cách mà giữ được *tướng gió*: hoặc do thấy, hoặc do xúc chạm.

Làm cách nào nhờ *thấy* mà giữ tướng gió? Người tọa thiền, hoặc nơi vườn mía, hoặc nơi rừng trúc, hoặc nơi có cây cối xum xuê, theo gió lay động mà khởi lên ý tưởng về gió, đó là *phong tướng*. Có ba cách giữ tướng gió: (1) quán bình đẳng, đều đặn; (2) phải khéo léo; (3) tránh sự loạn động.

Làm cách nào nhờ *xúc chạm* mà giữ tướng gió? Người mới tọa thiền đến nơi thanh vắng, khoét một lỗ nhỏ ở tường, đặt một ống trúc rỗng xuyên qua, ngồi kề gần, để gió thổi lọt lên thân và tác ý giữ tướng gió. Còn người tọa thiền đã lâu thì ở mọi nơi, trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc gió thổi đến xúc chạm vào thân, thì khởi lên quán tướng gió theo đó, khiến cho tướng bị phân của gió khởi lên trong tâm, chẳng giống với người mới bắt đầu tọa thiền.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Phong.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Xanh**? Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức*? Giữ tướng xanh cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi *tướng xanh*, đó là Nhứt thiết nhập Xanh. Tâm ấy an trú chẳng loạn nơi tướng xanh, đó là *tu hành* theo Nhứt thiết nhập Xanh. Từ Nhứt thiết nhập Xanh, phóng ý đi, đó là *tướng xanh*. Tư tưởng Xanh chẳng dứt, đó là *vị* (= công năng). Chẳng hề có ý tưởng nào khác hơn tướng Xanh, đó là *xứ* (= phạm vi hoạt động).

Có bốn công đức riêng cho Nhứt thiết nhập Xanh: (1) tâm duyên theo Nhứt thiết nhập Xanh mà đắc được thanh tịnh giải thoát; (2) chế ngự được màu xanh như bông hoa xanh; (3) có thể hoá mọi thứ ra màu xanh; (4) ở nơi nơi đều nhìn thấy ra màu xanh.

Làm cách nào để *giữ tướng xanh*? Giữ tướng Nhứt thiết nhập Xanh hoặc tại các nơi thiên nhiên, hoặc tại các nơi đã tạo tác. Khác với người mới tu tập, người tọa thiền lần năm chẳng giữ *tướng xanh* tại các nơi có tạo tác, (có chuẩn bị sẵn) mà giữ tướng ấy ở khắp nơi, hoặc tại bông hoa xanh, hoặc nơi áo xanh, hay bất cứ màu xanh nào nhìn thấy trước mắt, dầu có thuận theo ý hay không, cũng thấy được tướng bị phân của tướng xanh hiện khởi trong tâm. Còn người mới tu tập, nơi thiên nhiên chẳng giữ được tướng xanh, nhưng ở nơi có chuẩn bị, tạo tác sẵn, thì mới giữ được. Nhờ khéo léo quán sát nơi áo, nơi gỗ, nơi tường, lấy hoa *A đa tư* (*Asita*)

màu xanh mà tạo nên được hoa *mạn-đà-la* hình ba góc hay bốn góc, dùng màu sắc khác viền vòng quanh bên ngoài, để tạo nên màu xanh.

Do ba cách mà giữ được tướng xanh: do quán sát bình đẳng, đều đặn, do khéo léo, do tránh sự loạn động. Phần còn lại đã được nói qua trước đây (ở các Nhứt thiết nhập khác).

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Xanh.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Vàng?** Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức?* Giữ tướng vàng cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng vàng, đó là **Nhứt thiết nhập Vàng**. Tâm ấy an trú chẳng loạn nơi tướng vàng, đó là *tu theo* Nhứt thiết nhập Vàng. Từ Nhứt thiết nhập Vàng, phóng ý đi, là tướng. Tư tưởng về màu vàng chẳng hề ngừng nghỉ, đó là *vị* (= công năng). Chẳng nghĩ đến ý tướng nào khác, đó là *xứ* (phạm vi hoạt động) của Nhứt thiết nhập Vàng.

Có ba công đức riêng của Nhứt thiết nhập Vàng, chẳng đồng với các Nhứt thiết nhập khác: (1) tâm duyên theo Nhứt thiết nhập Vàng mà đắc được thanh tịnh giải thoát; (2) chế ngự được màu vàng của các loại hoa vàng khác; (3) tu Nhứt thiết nhập Vàng, nơi nơi đều thấy ra màu vàng.

Giữ tướng vàng như thế nào? Hiện nơi Nhứt thiết nhập Vàng, giữ tư tướng màu vàng, hoặc nơi thiên nhiên, hoặc nơi có chuẩn bị tạo tác khác, đều giữ tướng vàng ấy. Người toạ thiền đã lâu thì ở bất cứ nơi nào, thường thấy hoặc hoa vàng, áo vàng, hay màu vàng nào khác, đều do theo đó mà khởi lên trong tâm tướng bị phản của tướng vàng, dầu có thuận ý hay chẳng thuận ý, khác với người mới tập toạ thiền. Người này cần quán sát ở nơi đã chuẩn bị tạo tác trước, mới khởi lên được tướng vàng trong tâm. Khéo léo tu theo Nhứt thiết nhập vàng, người này hoặc nơi áo, nơi gỗ, nơi tường, lấy hoa *Ca ni ca la* (*Kanikāra*) sắc vàng làm thành hoa mạn-đà-la hình ba góc hay bốn góc, rồi dùng màu khác viền chung quanh, để tác ý khởi lên tư tướng về màu vàng (*hoàng tướng*).

Do ba cách để giữ tướng ấy: (1) do quán sát bình đẳng, đều đặn; (2) do khéo léo; (3) do tránh xa sự loạn động. Về phần còn lại, cũng như đã được nói trước đây.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Vàng.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Đỏ?** Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức?* Giữ tướng đỏ cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn theo tướng đỏ, đó là **Nhứt thiết nhập Đỏ**. Tâm ấy an trú chẳng loạn nơi tướng đỏ, đó là *tu hành* theo Nhứt thiết nhập Đỏ. Từ nơi tướng đỏ phóng ý tướng đi, là tướng của Nhứt thiết nhập Đỏ. Ý tướng chẳng lià khỏi tư tướng đỏ, đó là *vị* (= công năng) của Nhứt thiết nhập Đỏ. Chẳng hề tác ý nào khác hơn tư tướng đỏ, đó là *xứ* (= phạm vi hoạt động) của Nhứt thiết nhập Đỏ.

Có bốn công đức riêng cho Nhứt thiết nhập Đỏ, chẳng đồng với các Nhứt thiết nhập khác: (1) tâm duyên theo Nhứt thiết nhập Đỏ, đắc được thanh tịnh giải thoát; (2) tâm nhập vào màu đỏ chế ngự được các màu khác; (3) hoá các thứ khác thành màu đỏ; (4) nơi nơi đều thấy ra màu đỏ. Các công đức còn lại cũng giống với công đức của Nhứt thiết nhập Địa.

Giữ tướng Đỏ cách nào? Giữ tướng đỏ đó là hiện đang quán sát Nhứt thiết nhập Đỏ, hoặc ở nơi thiên nhiên, hoặc tại nơi có chuẩn bị, tạo tác. Người toạ thiền đã lâu có thể tại nơi thiên nhiên, nắm giữ lấy tướng đỏ khi nhìn thấy hoa đỏ, áo đỏ, hoặc màu sắc đỏ, theo từ tướng ấy mà khởi lên trong tâm tướng bị phản của tướng đỏ, cho dầu có thuận ý hay chẳng thuận ý đi nữa, khác với người mới tập toạ thiền. Người này chỉ khởi tướng đỏ ở những nơi được tạo tác,

chớ nơi thiên nhiên thì chẳng khởi được. Khéo tu theo Nhứt thiết nhập Đò, người ấy ở nơi nào có áo, có gỗ, có tường, dùng màu hay sơn sắc đỏ như hoa Bàn đầu thời bà (*Bandhujivaka*) làm thành hoa *man-dà-la* hình ba góc hay bốn góc, rồi dùng màu khác viền chung quanh, để theo đó mà khởi lên ý tưởng về màu đỏ.

Có ba cách để giữ tướng: do quán sát bình đẳng, đều đặn; do sự khéo léo; do tránh sự loạn động; như đã có nói rõ ở phần trước.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Đò.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Trắng**? Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức*? Giữ tướng trắng cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn theo *tướng trắng*, đó là *Nhứt thiết nhập Trắng*. Tâm ấy an trú nơi tướng trắng chẳng loạn, đó là *tu hành* theo Nhứt thiết nhập Trắng. Phóng ý đi từ nơi tướng trắng, đó là *tướng* của *Nhứt thiết nhập Trắng*. Tư tưởng chẳng hề lia ý tướng trắng, đó là *vị* (= công năng) của Nhứt thiết nhập Trắng. Chẳng hề tác ý nào khác với tướng trắng, đó là *xứ* (= phạm vi hoạt động) của Nhứt thiết nhập Trắng.

Có tám công đức riêng cho Nhứt thiết nhập Trắng: (1) Tâm duyên theo Nhứt thiết nhập Trắng đắc được thanh tịnh giải thoát; (2) đắc được trắng, (3) trừ các màu khác nhập vào; (4) chế phục được sự giải đãi; (5) được thiên nhân; (6) trừ được sự tối tăm; (7) khởi lên sức sáng chói; (8) nơi nơi thấy ra được màu trắng. Còn các công đức khác, cũng giống như ở Nhứt thiết nhập Địa.

Giữ *tướng trắng* cách nào? Giữ tướng trắng là hiện đang quán sát Nhứt thiết nhập Trắng, khởi lên tướng trắng, hoặc ở nơi thiên nhiên, hoặc tại chỗ có chuẩn bị tạo tác. Người tọa thiền đã lâu có thể tại nơi thiên nhiên khởi lên tướng trắng, khi thấy hoa trắng, áo trắng, hay màu sắc trắng, hoặc bóng trắng sáng, hay ánh nắng chói, hoặc các vì tinh tú, hay nơi các kiếng soi hình tròn, nương theo chỗ thấy ban đầu mà khởi lên trong tâm tướng bị phân của tướng trắng, cho dầu có thuận ý cũng không, chẳng giống như người mới tập tọa thiền. Người này chẳng thể từ nơi thiên nhiên khởi lên tướng trắng được, mà phải khéo nương nơi áo, nơi gỗ, nơi tường, nơi ánh mặt trời hoặc các ngôi sao, lấy sắc đỏ mà làm một hoa *man-dà-la* hình ba góc hay bốn góc, rồi lấy màu khác viền chung quanh, để từ nơi ấy mà làm khởi lên tướng trắng.

Có ba cách để giữ tướng trắng: (1) do quán sát bình đẳng, đều đặn; (2) do khéo léo; (3) do tránh sự loạn động; như đã được nói qua trước đây.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Trắng.

Hỏi: Thế nào là **Nhứt thiết nhập Ánh sáng**?

Thế nào là *tu, tướng, vị, xứ, công đức*?

Giữ tướng *Ánh sáng* cách nào?

Đáp: Tâm luôn luôn khởi *tướng ánh sáng*, đó là *Nhứt thiết nhập Ánh sáng*. Tâm ấy trú nơi tướng sáng chẳng loạn, đó là *tu hành* theo Nhứt thiết nhập Ánh sáng. Từ tướng sáng phóng ý ra, đó là *tướng* của Nhứt thiết nhập Ánh sáng. Chẳng hề lia tướng sáng, đó là *vị* (= công năng) của Nhứt thiết nhập Ánh sáng. Chẳng tác ý nào khác hơn tư tưởng về ánh sáng, đó là *xứ* (= phạm vi hoạt động) của Nhứt thiết nhập Ánh sáng.

Công đức của Nhứt thiết nhập Ánh sáng cũng đồng với công đức của Nhứt thiết nhập Trắng. Tu Nhứt thiết nhập Ánh sáng thì nơi nơi đều thấy ra ánh sáng.

Giữ tướng sáng cách nào? Hiện đang quan sát Nhứt thiết nhập Ánh sáng, tướng sáng khởi lên, đó là giữ tướng sáng, hoặc nơi thiên nhiên, hoặc nơi có chuẩn bị, tạo tác. Người tọa thiền đã lâu giữ được tướng sáng nơi nơi trong thiên nhiên, khi nhìn thấy bóng trắng sáng, ánh nắng chói, hoặc đèn soi, hay châu ngọc, do tướng sơ khởi đó khởi lên trong tâm tướng bị phân của tướng Ánh sáng, cho dầu có thuận ý hay không thuận ý đi nữa, chẳng giống với người mới tập tọa thiền. Người này giữ tướng được chẳng loạn, chỉ ở nơi tạo tác, chứ nơi thiên nhiên thì chẳng được. Khéo tu Nhứt thiết nhập Ánh sáng thì đến gần một bức tường hướng về phương Đông hay phương Tây, lấy một cái bát rót đầy nước vào và đem để chỗ có ánh nắng chiếu, ánh sáng rọi lên từ đó thành một hoa *mạn-đà-la*, rồi theo mạn-đà-la đó mà khởi lên tướng sáng.

Có ba cách để giữ lấy tướng sáng: (1) do quán sát đều đặn, bình đẳng; (2) do khéo léo; (3) do liả xa sự loạn động, như đã được nói qua trước đây.

Chấm dứt Nhứt thiết nhập Ánh sáng.

Xong Quyển thứ Năm của bộ Luận Giải Thoát Đạo.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#)

Phần Chánh văn: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#)
Phần tìm hiểu: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#) | [Tổng kết](#)

Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhứt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

last updated: 16-01-2004